

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/KDTM-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Bích.
2. Bà Nguyễn Thị Mai Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 749/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 291/2023/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ L

Địa chỉ: Số xx đường x, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L1.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Ngân K (Văn bản ủy quyền ngày 22-5-2023). (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần C – Số x (vắng mặt)

Địa chỉ: Số x LK36 KĐTM P, phường P1, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22-5-2023 và trong quá trình xét xử đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 10-12-2020, giữa Công ty cổ phần C- Số x (viết tắt Công ty C- Số x) và Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ L (viết tắt Công ty L) có ký kết với nhau hợp đồng mua bán số 1012/2020/HĐMB/CX9-LP, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng. Theo nội dung hợp đồng Công ty L đồng ý cung cấp cho Công ty C- Số x các mặt hàng vật liệu xây dựng: cát, đá, xi măng, gạch xây các loại, để thi công công trình là Nhà điều hành sản xuất Đội dịch vụ kỹ thuật M, địa điểm giao hàng là số x đường x, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Khi có nhu cầu đặt hàng, Công ty C- Số x sẽ gửi cho Công ty L đơn hàng sau đó Công ty L sẽ giao hàng. Công ty C kiểm tra, tự bốc dỡ hàng.

Theo điều 3 phương thức thanh toán thì vào ngày cuối hàng tháng sẽ tiến hành đối chiếu khối lượng và xuất hóa đơn từng đợt đối chiếu và Công ty C- Số x phải thanh toán dứt điểm từng đợt đối chiếu cho Công ty L trong vòng 3 ngày làm việc.

Hết thời hạn hợp đồng, phía Công ty L đã tiến hành đối chiếu các hóa đơn chứng từ giao dịch giữa hai bên thì tổng giá trị vật tư bên Công ty C- Số x đã mua là 1.678.580.641 đồng, số tiền phía Công ty C- Số x đã thanh toán là 1.438.683.641 đồng. Như vậy sau khi đối chiếu hai khoản trên thì phía Công ty C- Số x còn nợ Công ty L số tiền 248.897.000 đồng.

Để quyết toán hợp đồng, Công ty L đã nhiều lần liên hệ phía Công ty C- Số x để hoàn tất hồ sơ cần thiết cho việc tiến hành thanh lý hợp đồng và các khoản tiền còn nợ phát sinh theo hợp đồng nhưng hoàn toàn không nhận được sự hợp tác từ phía Công ty C- Số x. Công ty L gửi hồ sơ đề nghị thanh toán, biên bản đối chiếu công nợ cho Công ty C, nhiều lần thông báo qua đường bưu điện đều không nhận được phản hồi, trả lời việc không thanh lý hợp đồng, Công ty C- Số x không trả các khoản tiền còn nợ đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hoạt động của Công ty L.

Do hợp đồng được thực hiện tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên Công ty L khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ để yêu cầu buộc bị đơn phải tiến hành thanh lý hợp đồng mua bán số 1012/2020/HĐMB/CX9-LP và thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa với số tiền là: 263.415.991 đồng (Trong đó, số tiền nợ chưa thanh toán là 248.897.000 đồng, tiền lãi là 14.518.992 đồng (tạm tính từ ngày 22-10-2022 – đến ngày 22-5-2023) và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần C- Số x thanh lý hợp đồng mua bán số 1012/2020/HĐMB/CX9-LP và thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa với số tiền 248.897.000 đồng. Nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi chậm thanh toán.

** Bị đơn vắng mặt không lý do.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Công ty C- Số x đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án:* Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 22-5-2023, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán, giữa nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, hợp đồng ký kết giữa hai bên đều nhằm mục đích lợi nhuận do đó xác định đây là loại kiện tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do hợp đồng mua bán các bên ký kết tại quận Ninh Kiều nơi hợp đồng được thực hiện nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] *Đối với yêu cầu trả tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán số 1012/2020/HĐMB/CX9-LP ngày 10-12-2020:*

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 1012/2020/HĐMB/CX9-LP ngày 10-12-2020 (viết tắt Hợp đồng số 1012) cho thấy giữa nguyên đơn Công ty L và bị đơn Công ty C- Số x có ký hợp đồng mua bán hàng hóa, theo hợp đồng này thể hiện: Nguyên đơn cung cấp cho bị đơn mặt hàng vật liệu xây dựng: cát, đá, xi măng, gạch xây các loại..., để thi công công trình, đơn giá theo từng thời điểm cụ thể, số lượng hàng hóa giao thực tế được tính theo bảng kê công nợ và hóa đơn tài chính do nguyên đơn xuất cho bên bị đơn; giao hàng tại công trình số x, đường x, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ; phương thức thanh toán: chuyển khoản hoặc tiền mặt, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn nợ trong vòng 25

ngày kể từ ngày nhận hàng, vào ngày cuối hàng tháng sẽ tiến hành đối chiếu khối lượng và xuất hóa đơn từng đợt đối chiếu, bị đơn phải thanh toán dứt điểm từng đợt đối chiếu cho nguyên đơn trong vòng 03 ngày làm việc. Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng. Do hết thời hạn hợp đồng nhưng bị đơn không thanh lý hợp đồng và thanh toán số tiền còn nợ phát sinh theo hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ theo hợp đồng là 248.897.000 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng số 1012 được lập thành văn bản, phù hợp theo quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005, các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng này có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký Hợp đồng số 1012, hai bên đã tiến hành giao nhận hàng được thể hiện qua Biên bản xác nhận khối lượng vào các ngày 03-12-2021, ngày 17-12-2021, ngày 31-12-2021; Biên bản xác nhận giá trị vào các ngày 03-12-2021, ngày 17-12-2021, ngày 31-12-2021 và đồng thời phía nguyên đơn cũng xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn vào các ngày 03-12-2021, ngày 17-12-2021, ngày 17-01-2022. Hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ vào các ngày 03-12-2021, ngày 17-12-2021, ngày 17-01-2022 và ngày 09-8-2023. Bị đơn nhận hàng nhưng không thanh toán tiền hàng đầy đủ, đúng hạn, đúng thời gian mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua. Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ký giữa nguyên đơn với bị đơn vào ngày 09-8-2023 thể hiện: *“Số tiền phát sinh nợ trong kỳ: 1.687.580.641 đồng; Số tiền đã thanh toán trong kỳ: 1.438.683.641 đồng; Số tiền bên mua còn nợ bên bán là: 248.897.000 đồng; Kết luận: Tính đến ngày 09 tháng 8 năm 2023 Công ty cổ phần C – Số x còn nợ Công ty TNHH MTV TMDV L số tiền là: 248.897.000 đồng”*, đồng thời tại Công văn số 73/CX9-CV ngày 06-9-2023 của Công ty cổ phần C- Số x cũng xác định hai bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ nên có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền mua hàng là 248.897.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn cung cấp được chứng cứ bản gốc Hợp đồng số 1012; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09-8-2023, đây là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo

quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền mua hàng còn nợ 248.897.000 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Tại đơn khởi kiện ngày 22-5-2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ phát sinh từ hợp đồng và yêu cầu tính lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết, nguyên đơn có đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi số tiền chậm thanh toán. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng xác định rút lại yêu cầu tính lãi chậm thanh toán, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền mua hàng còn nợ 248.897.000 đồng.

[4] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điều 24 và Điều 50 Luật Thương mại năm 2005;

+ Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ L đối với bị đơn Công ty cổ phần C- Số x.

Buộc Công ty cổ phần C- Số x có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ L tiền nợ mua hàng theo hợp đồng là 248.897.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty cổ phần C – Số x phải chịu án phí là 12.444.850 đồng (Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm năm chục đồng).

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ L được nhận lại 6.585.000 đồng (Sáu triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001320 ngày 07-7-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Phụng